TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
T□NH CAO B□NG
Bản án số: 12 /2017/ HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2017
V/v: Xin Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: □ng La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Thế Hạp;

2. Bà Phùng Thị Phương.

- Thư ký phiên toà*:* bà Công Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nông ích Bộ - kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017. Về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Lý Văn H, sinh năm: 1959 .

Trú tại: xóm L - xã T - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

2. *Bị đơn*: Lương Thị M, Sinh năm: 1958 .

Trú tại: xóm G - xã T - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Lương Thị T1*, Sinh năm: 1988

Trú tại: xóm N - xã T - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt) không có lý do

- *Lương Văn C*, Sinh năm: 1990

Trú tại: xóm G - xã T - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

- *Lương Thị T2*, Sinh năm 1992

Trú tại: xóm N - xã K - huyện T - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn H trình bày: Tôi (H) kết hôn với bà Lương Thị M vào tháng 12 năm 1978. Việc kết hôn của tôi do bố mẹ sắp đặt và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, không có giấy khai đăng ký kết hôn, cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường, đã có thời gian sống chung với nhau gần 30 năm và có ba con chung đặt tên là Lương Thị T1 29 tuổi đã đi lấy chồng, Lương Thị T2 25 tuổi đã đi lấy chồng và Lương Văn C 27 tuổi đã có vợ hiện nay ở với bà M.

Nguyên nhân lý do tôi làm đơn ly hôn là trong quá trình sống chung với nhau tôi cảm thấy tính tình không hợp, quan điểm sống không thống nhất, hay sảy ra mâu thuẫn cãi nhau ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nhất là năm 2015 bà Má và các con đuổi tôi ra khỏi nhà và vứt quần áo tôi đi không cho tôi vào nhà nữa và chửi tôi là người ở rể. Vì thế, tôi không có chỗ ở phải quay về bên bố mẹ ở nhờ các cháu.

Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2015 đến nay.

Tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 nhà bếp trị giá 50.000.000đ, 01 mảnh vườn 70m^2 ở cạnh nhà và 03 đám ruộng, Nà T1 diện tích là 383 m^2, Nà T2 diện tích là 126 m^2, nà C diện tích 876 m^2. Số tài sản này hiên nay bà M đang quản lý sử dụng.

Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà M, về tài sản chung của vợ chồng yêu cầu Toà án giải quyết chia đôi

Yêu cầu của bị đơn bà Lương Thị M trình bày: Về thời gian kết hôn, việc kết hôn, thời gian chung sống và con cái đúng như ông Lý Văn H trình bày. Trong thời gian sống chung ông H lười biếng không chịu giúp vợ con làm việc, đánh đập vợ vô cớ ngày 26 tháng 3 năm 2016 ông H đánh tôi lúc đấy tôi đang cõng cháu trên lưng con trai bảo thì ông H tự ái bỏ về nhà bố mẹ.

Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng sống ly thân từ năm 2016.

Tài sản chung chỉ có 1 đám ruộng (Nà R) diện tích 483m^2 năm 1993 mua 1.700.000đ ông H bỏ ra 500.000đ còn lại là tôi bỏ ra hiện nay ông đang canh tác.

Tài sản riêng gồm có 1 ngôi nhà và 5 đám ruộng của bố mẹ tôi để lại.

Nay ông H xin ly hôn tôi nhất trí về tài sản chung nhất trí chia đôi, tài sản riêng là của bố mẹ tôi để lại tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn C, Lương Thị T2 có ý kiến: chúng tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn, chúng tôi quan hệ với ông H và bà M là con ruột của ông H bà M.

Bố mẹ tôi kết hôn từ năm 1978 đến nay trong thời gian sống chung bố mẹ tôi có tạo dựng được một số tài sản mua được 03 đám ruộng và xây được 01 căn nhà bếp, 01 (Một) mảnh vườn. Trong đó bố tôi đang canh tác 01 đám, một đám Mẹ chúng tôi đang canh tác, còn một đám là do cô tôi Lương Thị R mua.

Nếu bố mẹ ly hôn tôi yêu cầu Toà án giải quyết tài sản theo pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn ông H cung cấp cho Tòa án: không có

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia tố tụng tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Từ khi Toà án thụ lý giải quyết, thu thập các chứng cứ đến khi xét xử vụ án, Toà án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không vi phạm về các thủ tục tố tụng. Vì vậy, Viện kiểm sát không kiến nghị hoặc yêu cầu Toà án bổ sung, thay đổi trong việc giải quyết vụ án của Toà án.

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

□p dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu án phí, lệ phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông H và bà M kết hôn vào tháng 12 năm 1978 việc kết hôn trên cơ sở do bố mẹ sắp đặt và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, không có giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường đã có thời gian sống chung được 30 năm đã có 3 con chung đặt tên là Lương Thị T1 29 tuổi, tuổi, Lương Văn C 27 tuổi, Lương Thị T2 25 tuổi.

Hiện nay các con đã lớn và lập gia đình, hai con gái Lương Thị T1 và Lương Thị T2 đi lấy chồng và theo gia đình chồng làm ăn, còn con trai lấy vợ đang sống chung với bà Má.

Nguyên nhân, lý do ông H ly hôn bà Lương Thị M là trong quá trình sống chung với nhau tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất hay sảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nhất là năm 2015 bà Má và các con đuổi ông ra khỏi nhà và chửi ông H là người ở rể, nên ông H thấy tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc, hôn nhân không đặt được vợ chồng không thương yêu nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên ông H xin ly hôn. Hai vợ chồng chính thức cắt đứt quan hệ từ tháng 5 năm 2015 đến nay.

[2] Tại phiên hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng không còn mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa ông H và bà M không có giấy đăng ký kết hôn là trái với qui định của pháp luật. Cụ thể là trái với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân gia đình quy định "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, Việc kết hôn không được đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*" và khoản 1 Điều 14 qui định " *Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát*

sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Như vậy, cuộc hôn nhân giữa ông H và bà M là hoàn toàn trái với các qui định của pháp luật. Ông H làm đơn để chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà M là có căn cứ và đúng với các qui định của pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con Lương Thị T1 29 tuổi, Lương Văn C 27 tuổi, Lương Thị T2 25 tuổi các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tài sản chung: Xác nhận sự thỏa thuận giữa hai bên đương sự tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 7 năm 2017 và tại phiên toà ông Lý Văn H và bà Lương Thị M thoả thuận nhất trí giao đám ruộng Nà C diện tích 876 m^2 cho ông Lý Văn H canh tác và sử dụng và bà Lương Thị M có trách nhiệm thanh toán tiền công xây dựng nhà bếp số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đất vườn tổng cộng là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng chẵn) cho ông Lý Văn H trú tại xóm L, xã T, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

□p dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức Thu, Nộp án phí, lệ phí Toà án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Lý văn H và bà Lương Thị M là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Lương Thị T1 29 tuổi, Lương Văn C 27 tuổi, l- ơng Thị T2 25 tuổi. Các con đều đã trưởng thành không phụ thuộc vào Bố Mủ, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Xác nhận sự thỏa thuận giữa Lý Văn H và Lương Thị M tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã thoả thuận giao đám ruộng Nà C diện tích 876 m^2 cho ông Lý Văn H canh tác và sử dụng, bà Lương Thị M có trách nhiệm thanh toán số tiền sau: Nhà bếp 5.000.000đ (Năm triệu đồng); đất v- ờn

2.000.000đ (Hai triệu đồng) tổng cộng là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng chẵn) cho ông lý Văn H trú tại xóm L, xã T, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Khoản tiền trên kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bà M chưa nộp được thì hàng tháng sẽ phải chịu lãi xuất theo mức lãi xuất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí**:** Ông H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận ông H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh theo biên lai số AB/2012/00995 ngày 01/ 6 /2017.

4**.** Báo cho các đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Lương Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND- TK;
- Các đương sự;
- Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan;
- THADS - TK;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

La Văn Viên